

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 3 - 2026

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang và ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc “Kiện ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: HNGĐ ngày 06/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/11/1980; Căn cước công dân số: 035080003827; địa chỉ: Số nhà D, tổ D, phường P, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thùy T, sinh ngày 14/02/1988; Căn cước công dân số: 035188003958; địa chỉ: Số nhà D, tổ D, phường P, tỉnh Ninh Bình.

(Phiên tòa có mặt anh N, chị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc N trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Thùy T có đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2024 đến nay, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị Thùy T.

Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị Thùy T trình bày: Chị nhất trí với trình bày của anh Nguyễn Ngọc N về thời gian, địa điểm, điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn của vợ chồng cũng như quá trình chung sống của vợ chồng là đúng. Tuy nhiên về thời điểm phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị là từ năm 2023 và mâu thuẫn ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, nguyên nhân là do anh N làm ăn không thuận lợi, công việc áp lực, kinh tế khó khăn nên anh N thường xuyên cáu gắt vô cớ và lạnh nhạt với chị. Vào năm 2023 anh N có ý định ly hôn chị; năm 2024 anh N đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhưng chị khuyên bảo nên anh N đã rút đơn. Vợ chồng anh chị sống lý thân nhau từ tháng 7/2025. Nay anh N xin ly hôn chị không đồng ý, chị xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc N và chị Hoàng Thị Thùy T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29/3/2015 (con trai) và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 06/9/2016 (con trai). Khi ly hôn anh N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng P và đề chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T xin nuôi cả hai con chung là cháu P và cháu Đ, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về con riêng, con nuôi hợp pháp: Anh chị đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại chị T không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị thống nhất xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyên vọng của cháu Nguyễn Hoàng P: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Hoàng Thị Thùy T.

* Nguyên vọng của cháu Nguyễn Hoàng Đ: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Hoàng Thị Thùy T.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc N và bị đơn chị Hoàng Thị Thùy T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc N.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Ngọc N và chị Hoàng Thị Thùy T.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng Đ; giao cho chị Hoàng Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng P kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Ngọc N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Hoàng Thị Thùy T có nơi cư trú tại: Tổ D, phường P, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Ly hôn, nuôi con chung” giữa anh Nguyễn Ngọc N và chị Hoàng Thị Thùy T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc N và chị Hoàng Thị Thùy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Ngọc N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn hai bên đưa ra là khác nhau để bảo vệ quan điểm của mình nhưng việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là có thật và thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, mặc dù ở chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Anh N tha thiết xin ly hôn để ổn định cuộc sống; phía chị T xin đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử lý hôn giữa anh Nguyễn Ngọc N và chị Hoàng Thị Thùy T là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29/3/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 06/9/2016, hiện các cháu đều đang do anh chị nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của anh N, chị T, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên vọng mong muốn được nuôi con chung của hai bên anh chị là hoàn toàn chính đáng, thể hiện quyền đồng thời là nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ đối với các con. Mặc dù, cháu P và cháu Đ đều có nguyện vọng ở với chị T nhưng xét điều kiện thực tế về kinh tế, chăm sóc của hai bên là ngang nhau, anh N và chị T đều có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống

ổn định và điều kiện phát triển tốt nhất, cần giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Đ, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh N, chị T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nam, chị T thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Ngọc N và chị Hoàng Thị Thùy T.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 06/9/2016 (con trai). Giao cho chị Hoàng Thị Thùy T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29/3/2015 (con trai), kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), anh N, đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003062 ngày 24/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh N đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: A, chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
 - THADS tỉnh Ninh Bình;
 - UBND P. Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình;
- (ĐKKH ngày 09/10/2014);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân